

Số: 91/2022/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Số 130 đường P, phường 3, quận P, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ (Theo Quyết định uỷ quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019);

Người được uỷ quyền lại: Ông Ngô Hoàng Đại D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh thành phố H; địa chỉ liên lạc: Số 26 đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Theo Quyết định uỷ quyền số 292/QĐ-DAB-PC ngày 23/3/2019).

Người được uỷ quyền lại: Bà Huyền Tôn Nữ Xuân L, chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh thành phố H- Phòng giao dịch M; có mặt; địa chỉ liên lạc: Số 82 đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Theo giấy uỷ quyền ngày 21/3/2022).

* **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 16 ngõ 2 kiệt 96 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hồ Đình T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 16 ngõ 2 kiệt 96 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà Huỳnh Thị và ông Hồ Đình T công nhận còn nợ của Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 07/4/2022 là **12.382.184 đồng** (Mười hai triệu ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm tám mươi tư đồng). Trong đó: nợ gốc là 9.196.726 đồng (Chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), nợ lãi trong hạn là 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 2.195.458 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng).

2.2. Về phương thức và thời hạn thanh toán: Bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đông Á theo 16 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Đến ngày 15/4/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 2: Đến ngày 15/5/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 3: Đến ngày 15/6/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 4: Đến ngày 15/7/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 5: Đến ngày 15/8/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 6: Đến ngày 15/9/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 7: Đến ngày 15/10/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 8: Đến ngày 15/11/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 9: Đến ngày 15/12/2022, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 10: Đến ngày 15/01/2023, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 11: Đến ngày 15/02/2023, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 12: Đến ngày 15/3/2023, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 13: Đến ngày 15/4/2023, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 14: Đến ngày 15/5/2023, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 15: Đến ngày 15/6/2023, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là **800.000 đồng** (Tám trăm nghìn đồng).

Lần 16: Đến ngày 15/7/2023, bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền còn lại là **382.184 đồng** (Ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm tám mươi bốn đồng)

Bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 08/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 00824174/0151383801T19045 ngày 25/01/2019 mà các bên đã ký kết.

Trường hợp Bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ.

2.3. Về án phí tranh chấp: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hòa giải, trước khi mở phiên tòa nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là $(12.382.184 \times 5\%) / 2 = 309.554$ đồng (làm tròn số là 310.000 đồng). Bà Huỳnh Thị M và ông Hồ Đình T thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ án phí tranh chấp là 310.000 đồng (Ba trăm mười nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 305.000 đồng (Ba trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001047 ngày 16/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND thành phố H;
- Chi Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)
Huỳnh Trọng Cẩn